

BÁO CÁO

**thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh
tại kỳ họp thứ 24 - HĐND tỉnh khoá VIII, nhiệm kỳ 2021 - 2026**

Thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo luật định và phân công của Thường trực HĐND tỉnh. Sau khi nghiên cứu nội dung 15 tờ trình, 04 văn bản và 14 dự thảo nghị quyết trình kỳ họp thứ 24 - HĐND tỉnh, kết hợp tổ chức giám sát, khảo sát, tại một số ngành, địa phương; Ban Kinh tế - Ngân sách báo cáo HĐND tỉnh xem xét, quyết định một số nội dung như sau:

Phần I. Đầu tư công

I. Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh, cấp huyện quản lý năm 2023 sang năm 2024; kéo dài thời gian bố trí vốn các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách phân cấp cấp huyện quản lý.

1. Căn cứ pháp lý và thẩm quyền

Việc đề nghị HĐND tỉnh kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh, cấp huyện quản lý năm 2023 sang năm 2024 phù hợp quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Đầu tư công năm 2019 “*Thời gian thực hiện và giải ngân vốn kế hoạch đầu tư công hằng năm đến ngày 31 tháng 01 năm sau. Trường hợp bất khả kháng, Thủ tướng Chính phủ quyết định đối với vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định đối với vốn ngân sách địa phương cho phép kéo dài thời gian thực hiện nhưng không quá 31 tháng 12 năm sau*” và quy định tại khoản 1 Điều 48 Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công.

Các dự án đề nghị kéo dài thời gian bố trí sử dụng nguồn vốn ngân sách phân cấp cấp huyện quản lý phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 52 Luật Đầu tư công năm 2019 “*Các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư, các dự án mới phải bảo đảm thời gian bố trí vốn thực hiện dự án nhóm A không quá 06 năm, nhóm B không quá 04 năm, nhóm C không quá 03 năm. Trường hợp không đáp ứng thời hạn trên, Thủ tướng Chính phủ quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với các dự án sử dụng vốn ngân sách trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định thời gian bố trí vốn thực hiện dự án đối với dự án sử dụng vốn ngân sách địa phương*”.

2. Nội dung

a) Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương do cấp tỉnh quản lý năm 2023 sang năm 2024 (Tờ trình số 27/TTr-UBND ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh)

Có 38 công trình, dự án với số vốn tương ứng **66.352.104.370 đồng** đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công từ năm 2023 sang năm 2024, trong đó:

- Nguồn vốn ngân sách địa phương cân đối theo tiêu chí của 25 công trình, dự án, với số vốn 34.583.319.070 đồng.
- Nguồn vốn đầu giá quyền sử dụng đất của 11 công trình, dự án, với số vốn 31.709.022.300 đồng.
- Nguồn vốn xổ số kiến thiết của 02 công trình, dự án, với số vốn 59.763.000 đồng.

b) Kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương phân cấp cấp huyện quản lý năm 2023 sang năm 2024 (Tờ trình số 28/TTr-UBND ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh)

Có 08 huyện đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công năm 2023 sang năm 2024, với số vốn **55.291.751.826 đồng**, gồm:

- Huyện đảo Cồn Cỏ 02 công trình, dự án với số vốn: 358.754.144 đồng.
- Huyện Hải Lăng 05 công trình, dự án với số vốn: 4.237.202.000 đồng.
- Huyện Vĩnh Linh 59 công trình, dự án với số vốn: 5.587.357.600 đồng.
- Huyện Gio Linh 36 công trình, dự án với số vốn: 1.145.357.000 đồng.
- Huyện Cam Lộ 09 công trình, dự án với số vốn: 855.313.000 đồng.
- Huyện Đakrông 06 công trình, dự án với số vốn: 8.122.262.088 đồng.
- Huyện Triệu Phong 04 công trình, dự án với số vốn: 738.065.000 đồng.
- Huyện Hướng Hóa 43 công trình, dự án với số vốn: 34.147.440.994 đồng.

Các công trình, dự án đề nghị kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương phân cấp cấp tỉnh, cấp huyện quản lý năm 2023 sang năm 2024 đã được các địa phương, các chủ đầu tư báo cáo thuyết minh, giải trình nguyên nhân đề nghị kéo dài¹, có văn bản cam kết sẽ thực hiện giải ngân hoàn thành trong năm 2024 của các chủ đầu tư.

c) Kéo dài thời gian bố trí vốn các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách phân cấp cấp huyện quản lý (Tờ trình số 24/TTr-UBND ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh).

¹ Nhóm nguyên nhân chủ yếu gồm: Quá trình thực hiện do vướng mắc trong công tác GPMB; Chi phí thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành và chi phí QLDA chưa giải ngân; Thời tiết ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện nên chưa có khối lượng giải ngân; Một số công trình sử dụng vốn từ đầu giá quyền sử dụng đất nên phụ thuộc vào tiến độ nguồn thu.

Có 04 dự án đã được HĐND thị xã Quảng Trị giao kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025² và bố trí kế hoạch hàng năm (2021-2023³) từ nguồn vốn ngân sách huyện quản lý đến nay chưa hoàn thành nhưng đã hết thời gian bố trí vốn theo quy định cần được tiếp tục bố trí vốn trong năm 2024, gồm:

- Dự án Nâng cấp hệ thống giao thông đô thị thị xã Quảng Trị, trong kế hoạch vốn hàng năm giai đoạn 2021-2023 còn lại chưa bố trí là 30.906 triệu đồng⁴.

- Dự án Hệ thống đường giao thông khu dân cư phía Tây Nguyễn Trường Tộ, trong kế hoạch vốn hàng năm giai đoạn 2021-2023 còn lại chưa bố trí là 600 triệu đồng⁵.

- Dự án Nghĩa trang nhân dân thị xã Quảng Trị; Hạng mục: Khu cát táng di dời lăng mộ tại khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ, trong kế hoạch vốn hàng năm giai đoạn 2021-2023 còn lại chưa bố trí là 3.000 triệu đồng⁶.

- Dự án Đường giao thông Khu phố 1, Khu phố 3, phường An Đôn trong kế hoạch vốn hàng năm giai đoạn 2021-2023 còn lại chưa bố trí là 1.434,767 triệu đồng⁷.

3. Kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh

Qua tổng hợp rà soát các nội dung nêu trên Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn vốn ngân sách địa phương phân cấp cấp tỉnh, cấp huyện quản lý năm 2023 sang năm 2024. Đồng thời giao UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, các Chủ đầu tư và UBND các huyện phối hợp đẩy nhanh công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành, thực hiện thanh toán chi phí quản

² Tại các Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 25/10/2021, số 72/NQ-HĐND ngày 02/11/2022, số 104/NQ-HĐND ngày 25/7/2023 của HĐND thị xã Quảng Trị.

³ Kế hoạch 2021 được bố trí tại Nghị quyết số 99/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND thị xã và Quyết định số 1369/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 của UBND thị xã Quảng Trị; Kế hoạch 2022 được bố trí tại Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 28/12/2022 của HĐND thị xã và Quyết định số 1416/QĐ-UBND ngày 30/12/2021 của UBND thị xã Quảng Trị; Kế hoạch 2023 được bố trí tại Nghị quyết số 86/NQ-HĐND ngày 20/12/2022 của HĐND thị xã và Quyết định số 1457/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND thị xã Quảng Trị.

⁴ Dự án đã được HĐND tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư tại các Nghị quyết số 440/NQ-HĐND ngày 27/10/2016, số 69/NQ-HĐND ngày 10/11/2020, UBND tỉnh phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi tại các quyết định số 1915/QĐ-UBND ngày 12/7/2017, số 558/QĐ-UBND ngày 21/02/2022 và Văn bản số 4881/UBND-KT ngày 22/9/2023

⁵ Dự án đã được UBND thị xã Quảng Trị phê duyệt chủ trương đầu tư tại quyết định số 1128/QĐ-UBND ngày 28/10/2019, phê duyệt dự án tại các quyết định số 1161/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, số 610/QĐ-UBND ngày 09/7/2021, số 584/QĐ-UBND ngày 05/7/2023.

⁶ Dự án đã được HĐND thị xã Quảng Trị phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 109/NQ-HĐND ngày 12/5/2021, UBND thị xã Quảng Trị phê duyệt dự án tại các quyết định số 611/QĐ-UBND ngày 09/7/2021, số 563/QĐ-UBND ngày 30/6/2023.

⁷ Dự án đã được HĐND thị xã Quảng Trị phê duyệt chủ trương đầu tư tại Nghị quyết số 100/NQ-HĐND ngày 24/12/2020, UBND thị xã Quảng Trị phê duyệt dự án tại các quyết định số 366/QĐ-UBND ngày 26/4/2021, số 460/QĐ-UBND ngày 04/6/2023.

lý dự án để quyết toán công trình không để tình trạng nhiều công trình chưa giải ngân hết vốn và đề nghị kéo dài thời gian thực hiện qua năm sau.

Đối với nội dung đề nghị Kéo dài thời gian bố trí vốn các dự án sử dụng nguồn vốn ngân sách phân cấp cấp huyện quản lý tại thị xã Quảng Trị. Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh chỉ xem xét kéo dài thời gian bố trí vốn qua năm 2024 với 03 dự án gồm: (1) Dự án Hệ thống đường giao thông khu dân cư phía Tây Nguyễn Trường Tộ số vốn 600 triệu đồng (2) Dự án Nghĩa trang nhân dân thị xã Quảng Trị; Hạng mục: Khu cát táng di dời lăng mộ tại khu vực phát triển đô thị Bắc Thành Cổ số vốn 3.000 triệu đồng (3) Dự án Đường giao thông Khu phố 1, Khu phố 3, phường An Đôn số vốn là 1.434,767 triệu đồng. Riêng dự án Nâng cấp hệ thống giao thông đô thị thị xã Quảng Trị số vốn còn lại chưa bố trí là 30.906 triệu đồng, đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo chủ đầu tư báo cáo cụ thể thời điểm, lý do năm 2023 không đề nghị HĐND tỉnh kéo dài thời gian bố trí vốn (theo Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 của HĐND tỉnh phê duyệt thời gian thực hiện 2018 - 2022); việc đề nghị HĐND tỉnh cho phép kéo dài thời gian bố trí vốn có phù hợp với quy định hiện hành hay không; khả năng đảm bảo cân đối nguồn vốn phân cấp ngân sách thị xã quản lý để đề nghị bố trí kéo dài trong năm 2024 trước khi HĐND tỉnh xem xét quyết định.

II. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương; giảm dự toán kế hoạch năm 2023 nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý (Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất giao cho doanh nghiệp sử dụng)

1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương (Tờ trình số 26/TTr-UBND ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh)

Việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh điều chỉnh tăng, giảm kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương phù hợp với quy định Luật đầu tư công, các văn bản hướng dẫn hiện hành; sau khi rà soát, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất:

- Điều chỉnh giảm 6,048 tỷ đồng nguồn dự phòng ngân sách địa phương kế hoạch trung hạn chưa giao chi tiết⁸ để bổ sung thực hiện 05 Dự án đang trình kỳ họp thứ 24 HĐND tỉnh khóa VIII phê duyệt chủ trương đầu tư gồm: (1) Dự án Chinh trang các hạng mục thuộc công trình Di tích Quốc gia đặc biệt Địa đạo Vịnh Mốc với tổng mức đầu tư là 1,205 tỷ đồng (2) Dự án Chinh trang các hạng mục thuộc công trình Di tích Quốc gia đặc biệt Đồi bờ Hiền Lương - Bến Hải với tổng mức đầu tư là 1,203 tỷ đồng (3) Dự án Chinh trang các hạng mục thuộc

⁸ Dự phòng ngân sách địa phương kế hoạch trung hạn chưa giao chi tiết tại Nghị quyết số 110/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 của HĐND tỉnh là 68,45 tỷ đồng.

công trình Bến thả hoa Di tích Quốc gia đặc biệt Thành Cổ Quảng Trị với tổng mức đầu tư là 1,205 tỷ đồng (4) Dự án Chinh trang các hạng mục thuộc công trình Bảo tàng tỉnh Quảng Trị với tổng mức đầu tư là 1,239 tỷ đồng (5) Dự án Chinh trang các hạng mục thuộc công trình Trung tâm Văn hóa - Điện ảnh tỉnh Quảng Trị với tổng mức đầu tư là 1,196 tỷ đồng.

- Kế hoạch nguồn Dự phòng ngân sách địa phương kế hoạch trung hạn chưa giao chi tiết sau điều chỉnh còn 62,402 tỷ đồng.

2. Giảm dự toán kế hoạch năm 2023 nguồn vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất do tỉnh quản lý (Nguồn thu đấu giá, đấu thầu các khu đất giao cho doanh nghiệp sử dụng) (Tờ trình số 25/TTr-UBND ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh)

Kế hoạch năm 2023 nguồn thu đấu giá quyền sử dụng đất do cấp tỉnh quản lý (nguồn thu từ đấu giá, đấu thầu các khu đất giao cho doanh nghiệp sử dụng) được HĐND tỉnh giao tại Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 và đã được điều chỉnh giảm tại Nghị quyết số 103/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 còn lại là 13.042 triệu đồng; trong đó: (i) công tác đo vẽ địa chính và quỹ phát triển đất (15%) là 1.956 triệu đồng; (ii) bố trí cho các công trình phát triển KTXH (85%) là 11.086 triệu đồng⁹, theo báo cáo của UBND tỉnh năm 2023 nguồn thu này không thực hiện được, **đề nghị UBND tỉnh xác định rõ sự cần thiết có tiếp tục bố trí vốn để thực hiện 5 dự án (Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong số tiền 886 triệu đồng; Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn số tiền 4.000 triệu đồng; Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt (đoạn Km1+784 - Km2+860), thành phố Đông Hà số tiền 200 triệu đồng; Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa số tiền 5.000 triệu đồng; Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 1 số tiền 1.000 triệu đồng) nữa hay không để trình cấp có thẩm quyền tìm kiếm, cân đối, bố trí nguồn lực hoàn thành dự án.** Sau khi có báo cáo giải trình làm rõ, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thống nhất thông qua để làm cơ sở cho UBND tỉnh cân đối, bố trí lại nguồn vốn theo quy định.

Phần II. Các chính sách

I. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026 (Tờ trình số 38/TTr-UBND ngày

⁹ Gồm 05 chương trình, dự án: (1) Nâng cấp đường ĐH43 huyện Triệu Phong số tiền 886 triệu đồng; (2) Hỗ trợ khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn số tiền 4.000 triệu đồng; (3) Xây dựng hệ thống thoát nước đường Lý Thường Kiệt (đoạn Km1+784 - Km2+860), TP Đông Hà số tiền 200 triệu đồng; (4) Xây dựng các cầu vượt lũ trên tuyến ĐT.586 qua địa bàn huyện Hướng Hóa số tiền 5.000 triệu đồng; (5) Đường ven biển kết nối với hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - giai đoạn 1 số tiền 1.000 triệu đồng.

15/4/2024 của UBND tỉnh).

1. Căn cứ pháp lý, tính phù hợp, thẩm quyền

Việc đề nghị HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022 – 2026 là thuộc thẩm quyền theo điểm a, khoản 1, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương¹⁰; khoản 9 Điều 30 của Luật Ngân sách Nhà nước và Điều 21, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách nhà nước¹¹, thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh quyết định theo khoản 2 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật¹² nhằm phù hợp yêu cầu nhiệm vụ và tình hình thực tế của địa phương, dự kiến các định mức hỗ trợ theo hướng tăng dần nhằm khuyến khích doanh nghiệp, người dân mạnh dạn tham gia hoạt động nghiên cứu, nhân rộng, chuyển giao công nghệ, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Trong đó đề xuất tăng mức hỗ trợ ***nâng mức từ 30% lên 50%*** tại các điểm d khoản 1 và khoản 2 Mục III Điều 1 của Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND để mức hỗ trợ của nghị quyết tiệm cận với các chính sách khác do Chính phủ và địa phương đã ban hành (*nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa: Mức hỗ trợ công nghệ tối đa 50%; Nghị định số 57/2018/NĐ-CP của Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn: Mức hỗ trợ công nghệ tối đa 80% hay Nghị quyết số 99/2022/NQ-HĐND của HĐND tỉnh quy định nội dung, mức hỗ trợ; mẫu hồ sơ, trình tự, thủ tục lựa chọn dự án, kế hoạch, phương án sản xuất, lựa chọn đơn vị đặt hàng trong thực hiện các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất thuộc các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị: Mức hỗ trợ 80%*).

2. Nội dung đề nghị sửa đổi, bổ sung

Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thống qua việc sửa đổi, bổ sung về mức hỗ trợ và phương thức hỗ trợ như sau:

a) Tại điểm d khoản 1 Mục III Điều 1 của Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2021 “Hỗ trợ tối đa 50% (*tăng 20%*) tổng mức kinh phí đầu tư và tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án. Riêng đối với các dự án đặc thù như: Ứng dụng công nghệ sinh học trong nuôi cấy mô, sản xuất dược liệu đạt chuẩn GMP, xây dựng nhà kính ứng dụng công nghệ 4.0 (ứng dụng cảm

¹⁰ HĐND tỉnh ban hành nghị quyết về những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND tỉnh;

¹¹ HĐND tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, định mức, tiêu chuẩn ngoài các chế độ, chính sách do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương không hỗ trợ.

¹² HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, văn bản QPPL, văn bản pháp luật của của quan nhà nước cấp trên.

biến và hoàn toàn tự động); mức hỗ trợ tối đa **50% tổng mức kinh phí đầu tư** và tối đa không quá 1.500 triệu đồng/dự án.”

b) Tại điểm d khoản 2 Mục III Điều 1 của Nghị quyết 163/2021/NQ-HĐND tỉnh ngày 09/12/2021 “Hỗ trợ tối đa 50% (tăng 20%) tổng mức kinh phí đầu tư và tối đa không quá 500 triệu đồng/dự án”.

c) Các nội dung khác thực hiện theo Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh Quảng Trị quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026.

Về dự thảo nghị quyết, UBND tỉnh đã có Văn bản số 2069/UBND-KGVX ngày 06/5/2024 về việc chỉnh sửa dự thảo nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị quyết số 163/2021/NQ-HĐND ngày 09/12/2021 của HĐND tỉnh quy định một số chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2026 theo đề nghị của Ban KTNS-HĐND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh.

II. Quy định về định mức lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 40/TTr-UBND ngày 15/4/2024 của UBND tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, tính phù hợp, thẩm quyền

Việc đề nghị HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết Quy định về định mức chi lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh phù hợp với quy định tại điểm c, khoản 1, Điều 19 Luật Tổ chức chính quyền địa phương¹³; khoản 9 Điều 30 của Luật Ngân sách Nhà nước và Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách nhà nước¹⁴; khoản 2 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật¹⁵; khoản 1 Điều 2 Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính; đặc thù hoạt động khoa học & công nghệ tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao (*Từ nguồn chi sự nghiệp KH&CN thuộc ngân sách tỉnh; kinh phí của các cơ quan, tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp tham gia đối ứng thực hiện nhiệm vụ; kinh phí huy động từ các nguồn hợp pháp khác*). Hiện nay, trên địa bàn tỉnh chưa có văn bản quy định về định mức xây

¹³ HĐND tỉnh quyết định biện pháp để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp;

¹⁴ HĐND tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, định mức, tiêu chuẩn ngoài các chế độ, chính sách do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương không hỗ trợ.

¹⁵ HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, văn bản QPPL, văn bản pháp luật của của quan nhà nước cấp trên.

dựng và phân bổ dự toán thực hiện nhiệm vụ KH&CN (Do Quyết định số 32/2015/QĐ-UBND ngày 16/12/2015 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định về định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng ngân sách nhà nước tại tỉnh Quảng Trị đã bị bãi bỏ tại Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của UBND tỉnh, có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/10/2023) nên việc ban hành Quy định về định mức chi lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh là cần thiết. Đứng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh.

2. Nội dung. Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua các nội dung sau:

a) Về tên gọi Nghị quyết: Quy định mức chi lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Quảng Trị

b) Nội dung nghị quyết: Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất bỏ nội dung “Điều 3. Các yếu tố đầu vào cấu thành dự toán ngân sách Nhà nước thực hiện nhiệm vụ KH&CN” để tích hợp vào Điều 2 dự thảo nghị quyết; bỏ cụm từ “đánh giá độc lập” của tiêu đề quy định tại khoản 3 Điều 4 dự thảo nghị quyết. Sau điều chỉnh Nghị quyết có 7 Điều; mức chi cho nhiệm vụ KHCN cấp tỉnh **bằng 90%** mức chi tại Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính, Thông tư 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ KHCN; mức chi cho nhiệm vụ KHCN cấp cơ sở **bằng 80%** mức chi tại Thông tư 03/2023/TT-BTC ngày 10/01/2023 của Bộ Tài chính, Thông tư 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ KHCN và 01 chính sách địa phương quy định tại điểm b khoản 1 Điều 4 dự thảo nghị quyết. Các nội dung chi, mức chi quy định tại dự thảo nghị quyết này phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách của tỉnh, dự toán kinh phí sự nghiệp KH&CN hàng năm của tỉnh.

Về dự thảo nghị quyết, UBND tỉnh đã có Văn bản số 2068/UBND-KGVX ngày 06/5/2024 về việc chỉnh sửa dự thảo nghị quyết Quy định mức chi lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh và nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh theo đề nghị của Ban KTNS-HĐND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh. Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua.

III. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 về cơ chế tài chính xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển quy đất và giải phóng mặt bằng, tạo quỹ đất sạch trên địa bàn tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 43/TTr-UBND ngày 19/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, tính phù hợp, thẩm quyền

Việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 được thực hiện theo quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp

luật rút gọn; bảo đảm đúng quy định tại khoản 1 Điều 124 Luật Đất đai 2013¹⁶; khoản 9 Điều 30 của Luật Ngân sách Nhà nước; Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Ngân sách nhà nước¹⁷, thuộc thẩm quyền HĐND tỉnh quyết định theo khoản 2 Điều 27 của Luật Ban hành văn bản Quy phạm pháp luật¹⁸.

2. Nội dung

Đề nghị HĐND tỉnh thống nhất **bổ sung nhiệm vụ “Vận hành” cơ sở dữ liệu đất đai và sửa quy định** tại khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 để thay thế cụm từ “xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai” bằng cụm từ “xây dựng, **vận hành**, duy trì cơ sở dữ liệu đất đai”. Lý do: Trước đây nhiệm vụ vận hành cơ sở dữ liệu đất đai thực hiện bằng nguồn xã hội hóa¹⁹. Nay nhà tài trợ đã kết thúc tài khóa hỗ trợ, vì vậy phải sử dụng nguồn kinh phí từ nguồn thu 10% của nhiệm vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai được quy định tại Nghị quyết số 111/2021/NQ-HĐND ngày 30/8/2021 của HĐND tỉnh.

IV. Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị (Tờ trình số 52/TTr-UBND ngày 03/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, tính phù hợp, thẩm quyền

Việc đề nghị HĐND tỉnh Quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu ngày 23/6/2023; Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu 2023 về lựa chọn nhà thầu.

Đúng thẩm quyền quyết định của HDDND tỉnh tại khoản 2²⁰ Điều 91 Nghị

¹⁶ Nhà nước có chính sách đầu tư xây dựng hệ thống thông tin đất đai, cơ sở dữ liệu đất đai; đảm bảo **kinh phí vận hành, duy trì hệ thống thông tin đất đai**, cơ sở dữ liệu đất đai

¹⁷ HĐND tỉnh quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chỉ có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, định mức, tiêu chuẩn ngoài các chế độ, chính sách do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội địa phương, phù hợp với khả năng cân đối ngân sách địa phương, ngân sách Trung ương không hỗ trợ.

¹⁸ HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết để quy định chính sách, biện pháp nhằm bảo đảm thi hành Hiến pháp, văn bản QPPL, văn bản pháp luật của của quan nhà nước cấp trên.

¹⁹ Vận hành trên phần mềm miễn phí của Tập đoàn Công nghiệp-Viễn thông Quân đội Viettel

²⁰ “2. Thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ không thuộc các trường hợp tại khoản 1 Điều này:

b) Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm đối với nguồn kinh phí khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý của địa phương (bao gồm cả việc mua sắm tại cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý và cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ không thuộc phạm vi quản lý của địa phương);

c) Thủ trưởng đơn vị dự toán các cấp quyết định việc mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị thuộc phạm vi được cơ quan có thẩm quyền quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định và được quyết định việc mua sắm đối với gói thầu, nội dung mua sắm có giá trị không quá 200 triệu đồng;

định số 24/2024/NĐ-CP ngày 27/02/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu 2023 về lựa chọn nhà thầu.

2. Nguyên tắc quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh

Để đáp ứng kịp thời nhu cầu phục vụ công tác, góp phần giúp công tác quản lý trên địa bàn tỉnh ngày càng đi vào nền nếp, tạo tính chủ động cho cơ quan, đơn vị, tổ chức và các địa phương. Bảo đảm tuân thủ, phù hợp với các quy định của pháp luật quy định tại khoản 24 Điều 4 và Điều 40, 41 của Luật đấu thầu là “*người quyết định đầu tư hoặc người quyết định mua sắm là người có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu*” và phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương.

3. Nội dung

Để tạo điều kiện cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị có cơ sở thực hiện việc mua sắm hàng hóa, dịch vụ thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Quảng Trị, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất quy định gồm các nội dung chủ yếu như sau:

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 500 triệu đồng trở lên/01 gói mua sắm.

- Đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh:

- + Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 500 triệu đồng/01 gói mua sắm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình; từ trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 gói mua sắm đối với các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

- + Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 200 triệu đồng/01 gói mua sắm.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ trên 200 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng/01 gói mua sắm của các cơ quan, tổ chức, đơn vị dự toán thuộc ngân sách cấp huyện và các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện và Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ có giá trị không quá 200 triệu đồng/01 gói mua sắm tại cơ quan, tổ chức, đơn vị mình.

- Riêng đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm hàng hóa, dịch vụ phục vụ hoạt động của đơn vị.

Phần III. Chương trình phát triển đô thị và phân loại đô thị

I. Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn

d) Thủ trưởng cơ quan trung ương, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc quy định thẩm quyền quyết định việc mua sắm phục vụ hoạt động của đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý.”

đến năm 2050 (Tờ trình số 35/TTr-UBND ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, tính phù hợp, thẩm quyền

Việc đề nghị HĐND tỉnh cho ý kiến về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 phù hợp với quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập một số nội dung về Chương trình phát triển đô thị; Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023; điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2045 tại Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh; quy hoạch vùng huyện với hệ thống đô thị nông thôn, khu chức năng và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong địa giới hành chính.

Đúng thẩm quyền cho ý kiến của HĐND tỉnh quy định tại điểm c khoản 4, Điều 8 Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng quy định “UBND cấp tỉnh phê duyệt chương trình phát triển đô thị theo thẩm quyền sau khi nhận đầy đủ hồ sơ trình phê duyệt quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, **văn bản ý kiến của HĐND cấp tỉnh (nếu có)** và báo cáo thẩm định” và điểm d khoản 7 Điều 3a của khoản 3, Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng quy định “Cơ quan tổ chức lập chương trình phát triển đô thị trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chương trình phát triển đô thị. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi phê duyệt chương trình phát triển đô thị đối với chương trình phát triển đô thị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực dự kiến thành lập thành phố trực thuộc trung ương và thành phố được phân loại hoặc dự kiến phân loại đô thị là loại I, II”.

2. Nội dung

Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 có 06 nội dung chính gồm: (01) Mục tiêu (02) các chỉ tiêu chính phát triển đô thị (hệ thống đô thị định hướng từng giai đoạn; tỷ lệ đô thị hóa; tỷ lệ xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên; tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị; Diện tích cây xanh đô thị) (03) Danh mục, lộ trình và kế hoạch nâng loại hệ thống đô thị được chia theo từng giai đoạn (04) Các đô thị dự kiến thành lập, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính (05) Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước thực hiện phát triển bền vững đô thị (06) Dự kiến nguồn lực, giải pháp và các dự án ưu tiên thực hiện là đảm bảo phù hợp với các quy định của

pháp luật hiện hành và quy hoạch tỉnh (Quy định tại Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số Điều của về Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính; Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050) và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong từng thời kỳ. Đồng thời đề nghị bỏ điểm 5.1 mục 5 Điều 1 “Đề án Xây dựng mô hình đô thị thông minh tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018 - 2023, tầm nhìn đến năm 2030” của dự thảo nghị quyết. Các nội dung khác cơ quan tham mưu trình UBND tỉnh thống nhất chỉnh sửa hoàn thiện nội dung Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 trước khi trình HĐND tỉnh theo đề nghị của Ban KTNS-HĐND tỉnh.

3. Kiến nghị: Sau khi UBND tỉnh thống nhất các kiến nghị nêu trên của Ban Kinh tế - Ngân sách, đề nghị HĐND tỉnh ban hành nghị quyết cho ý kiến về Chương trình phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 để UBND tỉnh thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định.

II. Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị thành phố Đông Hà đến năm 2045 (Tờ trình số 36/TTr-UBND ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, tính phù hợp, thẩm quyền

Việc điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị thành phố Đông Hà đến năm 2045 phù hợp với quy định tại Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập một số nội dung về Chương trình phát triển đô thị; Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023.

Đúng thẩm quyền cho ý kiến của HĐND tỉnh phân điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị thành phố Đông Hà đến năm 2045 quy định tại điểm c khoản 4, Điều 8 Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây quy định “UBND cấp tỉnh phê duyệt chương trình phát triển đô thị theo thẩm quyền sau

khi nhận đầy đủ hồ sơ trình phê duyệt quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, văn bản ý kiến của HĐND cấp tỉnh (nếu có) và báo cáo thẩm định” và điểm d khoản 7 Điều 3a của khoản 3, Điều 4 Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng quy định “Cơ quan tổ chức lập chương trình phát triển đô thị trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt chương trình phát triển đô thị. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh báo cáo Hội đồng nhân dân cấp tỉnh trước khi phê duyệt chương trình phát triển đô thị đối với chương trình phát triển đô thị tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, khu vực dự kiến thành lập thành phố trực thuộc trung ương và thành phố được phân loại hoặc dự kiến phân loại đô thị là loại I, II”.

2. Nội dung

Phần điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị thành phố Đông Hà đến năm 2045 có 04 nội dung chính theo Điều 5 của Thông tư 06/2023/TT-BXD ngày 08/9/2023 của Bộ Xây dựng, định hướng của Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đồng bộ hóa việc Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Đông Hà đến năm 2045 tại Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh và quy hoạch phân khu tỷ lệ 1/2000 của 9 phường trên địa bàn thành phố Đông Hà, gồm: (01) Quan điểm và mục tiêu phát triển đô thị (02) các chỉ tiêu chính phát triển đô thị (*mật độ dân số toàn đô thị; mật độ dân số tính trên diện tích xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị; tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên diện tích đất tự nhiên toàn đô thị; diện tích nhà ở bình quân đầu người khu vực nội thành, nội thị; diện tích cây xanh toàn đô thị bình quân đầu người; tỷ lệ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị; tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt tiêu chuẩn kỹ thuật; các tiêu chuẩn thấp hơn mức tối thiểu và các tiêu chuẩn đạt nhưng ở mức thấp theo tiêu chuẩn phân loại đô thị tại thời điểm lập chương trình và theo tiêu chuẩn phân loại đô thị dự kiến thực hiện phân loại đô thị trong từng giai đoạn phát triển*) (03) Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước phát triển bền vững đô thị (*gồm các chương trình, đề án, dự án đầu tư xây dựng nhằm khắc phục 06 tiêu chuẩn chưa đạt²¹ điểm tối thiểu đô thị loại II; Các chương trình, đề án trọng tâm để từng bước phát triển bền vững đô thị*) (04) Dự kiến nhu cầu kinh phí, nguồn vốn chương trình là đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật hiện hành (Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính; Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số Điều của về Nghị quyết số

²¹ Gồm: Nhà tang lễ (cơ sở); Tỷ lệ sử dụng hình thức hòa tang (5%); Công trình xanh; Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%); Mật độ giao thông đô thị (km/km²); Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành BQ đầu người (m²/người).

1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của ủy ban thường vụ Quốc hội về Tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và Phân loại đơn vị hành chính; Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 của Chính phủ về quản lý đầu tư phát triển đô thị; Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng; Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quy hoạch chung thành phố Đông Hà được điều chỉnh đến năm 2045 được phê duyệt tại Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 của UBND tỉnh).

UBND tỉnh thông nhất chỉnh sửa hoàn thiện nội dung phần điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị thành phố Đông Hà đến năm 2045 theo đề nghị của Ban KTNS-HĐND tỉnh trước khi trình HĐND tỉnh theo đề nghị của Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh.

3. Kiến nghị: Đề nghị HĐND tỉnh thông nhất ban hành nghị quyết cho ý kiến phần Điều chỉnh Chương trình phát triển đô thị thành phố Đông Hà đến năm 2045 để UBND tỉnh thực hiện các thủ tục tiếp theo đúng quy định.

III. Thông qua Đề án phân loại đô thị thành phố Đông Hà đạt tiêu chuẩn đô thị loại II (Tờ trình số 37/TTr-UBND ngày 15/4/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Căn cứ pháp lý, tính phù hợp, thẩm quyền

Về đề nghị HĐND tỉnh thông qua Đề án phân loại đô thị thành phố Đông Hà đạt tiêu chuẩn đô thị loại II phù hợp với quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị; Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 về phân loại đô thị; Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1737/QĐ-TTg ngày 29/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 02-NQ/TU ngày 04/11/2016 của Tỉnh ủy về phát triển đô thị tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 - 2021, định hướng đến 2025; Chương trình hành động số 51-CTr/TU ngày 10/01/2013 của Tỉnh ủy Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về Quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 và phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Đông Hà trong từng thời kỳ.

Đúng thẩm quyền quyết định của HĐND tỉnh quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 12 Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định “Ủy ban nhân dân cấp huyện tổ chức lập đề án

phân loại đô thị cho đô thị loại I là thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương, đô thị loại II, loại III, loại IV trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp thông qua trước khi gửi đến cơ quan thẩm định”.

Về quy trình sau khi Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua đề án phân loại đô thị; Bộ Xây dựng thẩm định; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo quy định tại Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

2. Nội dung

Nội dung Đề án phân loại đô thị thành phố Đông Hà đạt tiêu chuẩn đô thị loại II đảm bảo các yêu cầu theo quy định tại Điều 5 Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị và các hướng dẫn hiện hành. Qua rà soát, kết quả đánh giá phân loại thành phố Đông Hà theo 5 tiêu chí đạt **86,81 điểm (yêu cầu tối thiểu là 75 điểm)** và 63 tiêu chuẩn²² đạt đô thị loại II. Trong đó: Tiêu chí 1 về vị trí, chức năng, vai trò, cơ cấu và trình độ phát triển kinh tế - xã hội đạt 15,96 điểm; tiêu chí 2 về quy mô dân số đạt 6,96 điểm; tiêu chí 3 về mật độ dân số đạt 7,48 điểm; tiêu chí 4 về tỷ lệ lao động phi nông nghiệp đạt 6 điểm; tiêu chí 5 về trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị đạt 50,41 điểm. Đối chiếu với quy định tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị thì thành phố Đông Hà đạt tiêu chí đô thị loại II.

3. Kiến nghị

Đề nghị HĐND thông qua các nội dung chính của Đề án phân loại đô thị thành phố Đông Hà đạt tiêu chuẩn đô thị loại II để UBND tỉnh thực hiện các bước tiếp theo và chỉ đạo UBND thành phố tiếp tục đầu tư đối với 06/63 nhóm tiêu chuẩn chưa đạt điểm tối thiểu bao gồm: Nhà tang lễ (Cơ sở; Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)); Công trình xanh (Công trình); Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%); Mật độ đường giao thông đô thị (km/km²); Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành bình quân đầu người (m²/người).

Phần IV. Chủ trương thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất; chuyển mục đích sử dụng rừng

I. Danh mục dự án thu hồi đất, dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng

²² Gồm: (01) Nhóm tiêu chuẩn đạt và vượt mức tối đa: 40/63 tiêu chuẩn. (02) Nhóm tiêu chuẩn đạt điểm tối thiểu và trên điểm tối thiểu nhưng chưa đạt tối đa: 17/63 tiêu chuẩn. (03) Nhóm tiêu chuẩn chưa đạt điểm tối thiểu: 06/63 tiêu chuẩn (Nhà tang lễ (Cơ sở; Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)); Công trình xanh (Công trình); Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị (%); Mật độ đường giao thông đô thị (km/km²); Đất cây xanh sử dụng công cộng khu vực nội thành bình quân đầu người (m²/người)

phòng hộ vào các mục đích khác trong năm 2024 (Tờ trình số 42/TTr-UBND ngày 19/4/2024 và Văn bản bổ sung số 2050/UBND-KT ngày 04/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh)

1. Về cơ sở pháp lý, hồ sơ, trình tự, thủ tục

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh chấp thuận chủ trương thu hồi 135,34 ha đất để thực hiện 23 dự án tại 07 địa phương trong tỉnh²³; chuyển mục đích sử dụng đất 26,72 ha (Đất trồng lúa 15,11 ha, đất rừng phòng hộ 11,63 ha) để thực hiện 14 dự án tại 05 địa phương²⁴ phù hợp với các quy định của Luật Đất đai 2013, Luật Đầu tư công 2019, Luật Đầu tư 2020, Quy hoạch tỉnh, Quy hoạch vùng huyện, Quy hoạch ngành và các văn bản hướng dẫn hiện hành, đã có trong quy hoạch sử dụng đất cấp huyện; được phê duyệt chủ trương đầu tư và bố trí kế hoạch vốn; UBND cấp huyện và các sở ngành, đơn vị đề xuất bằng văn bản.

2. Các nội dung cụ thể có ý kiến khác, đề nghị bổ sung vào nghị quyết

- Đối với 02 Dự án: Nuôi tôm công nghệ cao RAS (Thu hồi đất 8,2 ha, trong đó thu hồi đất trồng lúa 4,37 ha) và Nuôi cá Hồi Vân công nghệ RAS (Thu hồi đất 3,33 ha, trong đó thu hồi đất trồng lúa 1,47 ha) tại thị trấn Cửa Tùng, huyện Vĩnh Linh đã được UBND tỉnh cấp chủ trương đầu tư²⁵, phù hợp với quy hoạch sử dụng đất huyện Vĩnh Linh tại Quyết định số 3453/QĐ-UBND ngày 30/12/2022 của UBND tỉnh; phù hợp quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cửa Tùng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 tại Quyết định số 269/QĐ-UBND ngày 01/02/2024 của UBND tỉnh. Tuy nhiên, trong quá trình tổ chức lấy ý kiến điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cửa Tùng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 mặc dù đã được Huyện ủy, UBND huyện Vĩnh Linh lãnh đạo Đảng ủy-UBND thị trấn Cửa Tùng chỉ đạo, tuyên truyền, tổ chức 09 cuộc họp vận động nhân dân hỗ trợ nhà đầu tư triển khai Dự án theo Luật Thực hành dân chủ cơ sở với đa phần cán bộ, đảng viên đồng thuận, nhưng vẫn có một số hộ dân khu phố Bắc Bàn và Trung Nam, Hòa Lý Hải-TT Cửa Tùng chưa đồng thuận (cụ thể ngày 04/10/2023 đã có 118 người dân gửi đơn kiến nghị tập thể vượt cấp²⁶ với lo ngại khi dự án đi vào hoạt động sẽ gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước bãi tắm, làm mất mỹ quan bờ biển, đặc biệt Cửa Tùng nằm trong quy hoạch phát triển du lịch biển, kinh doanh dịch vụ nghỉ dưỡng) theo Báo cáo số 126 -BC/ĐU ngày 09/02/2024 của Đảng ủy Thị trấn Cửa Tùng. Để làm rõ vấn đề này, ngày 07/5/2024 Ban Kinh tế - Ngân sách đã có Văn bản số 48/HĐND-KTNS đề nghị UBND huyện Vĩnh Linh báo cáo tình hình thực hiện quy hoạch vùng huyện, quy hoạch thị trấn Cửa Tùng và quy trình đề nghị thu

²³ Tại 07 địa phương: Đông Hà 06 DA, Vĩnh Linh 03DA, Gio Linh 02 DA, Triệu Phong 08 DA, Hải Lăng 02 DA, Đakrông 01 DA, Hướng Hóa 01 DA.

²⁴ Vĩnh Linh 03 DA, Gio Linh 01 DA, Triệu Phong 08 DA, Hải Lăng 01 DA, Đakrông 01 DA.

²⁵ Tại Quyết định số 282 và 286/QĐ-UBND ngày 02/02/2024 của UBND tỉnh

²⁶ UBND TT Cửa Tùng, HU-HĐND-UBND huyện Vĩnh Linh, Tỉnh ủy-UBND tỉnh, Đoàn ĐBQH tỉnh.

hồi đất thực hiện Dự án nuôi tôm công nghệ cao RAS và nuôi cá Hồi Vân công nghệ RAS tại thị trấn Cửa Tùng và tại Báo cáo số 221/BC-UBND ngày 07/5/2024 của UBND huyện Vĩnh Linh xác định: Trình tự, hồ sơ, thủ tục đề nghị thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện 2 dự án trên đảm bảo các loại quy hoạch, được cấp có thẩm quyền đề xuất. Riêng quy trình lấy ý kiến để hoàn thiện hồ sơ đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cửa Tùng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 ngày 04/12/2023, UBND huyện Vĩnh Linh đã tổ chức các hội nghị lấy ý kiến cộng đồng dân cư các khu phố: Hòa Lý Hải, Bắc Bàn, Trung Nam kết quả của hội nghị lấy ý kiến có 61,96% người dân bỏ phiếu đồng ý và 38,04% bỏ phiếu không đồng ý đối với Đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chung xây dựng thị trấn Cửa Tùng (*Khu phố Trung Nam: Phát ra 33 phiếu thu về 33 phiếu, đồng ý 5 phiếu, không đồng ý 28 phiếu; Khu phố Bắc Bàn, Hòa Lý Hải: Phát ra 59 phiếu thu về 59 phiếu, đồng ý 52 phiếu, không đồng ý 07 phiếu*). Căn cứ các quy định hiện hành, kết luận phiên họp thứ 39 của Thường trực HĐND tỉnh ngày 08/5/2024, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất đề nghị HĐND tỉnh thông qua chủ trương thu hồi đất và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa của 02 Dự án “Nuôi tôm công nghệ cao RAS (Thu hồi đất 8,2 ha, trong đó thu hồi đất trồng lúa 4,37 ha) và Nuôi cá Hồi Vân công nghệ RAS (Thu hồi đất 3,33 ha, trong đó thu hồi đất trồng lúa 1,47 ha) tại thị trấn Cửa Tùng” theo đề nghị của UBND tỉnh bằng 01 nghị quyết riêng và tiếp tục giao UBND tỉnh chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, chính quyền địa phương có liên quan tiếp tục tuyên truyền vận động người dân đồng thuận theo quy định trước khi UBND tỉnh thực hiện trình tự thủ tục thu hồi, cho thuê đất theo quy định và báo cáo kết quả với HĐND tỉnh.

- Dự án Khu nghỉ địa mới di dời mô mả phục vụ công tác GPMB Cảng hàng không Quảng Trị (giai đoạn 1) vị trí tại xã Gio Mai, huyện Gio Linh đã được HĐND tỉnh kỳ họp thứ 21 cho chủ trương thu hồi đất với diện tích 4,2 ha tại Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 07/12/2023. Nay Dự án được điều chỉnh sang vị trí khác²⁷ để tránh khu quy hoạch đất dự trữ hai bên cảng hàng không với diện tích đề nghị thu hồi đất 4,6 ha (tăng 0,4 ha so với NQ 115), trong đó chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 4,6 ha. Vì vậy, để tránh trùng lặp dự án thu hồi đất theo đề nghị tại Tờ trình của UBND tỉnh, đề nghị HĐND tỉnh hủy chủ trương thu hồi đất với diện tích 4,2 ha vị trí tại xã Gio Mai, huyện Gio Linh đối với Dự án Khu nghỉ địa mới di dời mô mả phục vụ công tác GPMB Cảng hàng không Quảng Trị (giai đoạn 1) tại Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày

²⁷ Tại Quyết định số 381/QĐ-UBND ngày 20/02/2024 của UBND tỉnh điều chỉnh vị trí quy hoạch dự án xây dựng nghĩa địa trong khu dự trữ hai bên sân bay tại xã Gio Mai sang vị trí khác. HĐND huyện Gio Linh có Nghị quyết số 04/NQ-HĐND ngày 25/3/2024 phê duyệt CTĐT dự án với tổng mức đầu tư 3.909.576.000 đồng.

07/12/2023 của HĐND tỉnh để ban hành Nghị quyết mới về chủ trương thu hồi đất dự án với diện tích 4,6 ha và chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa 4,6 ha.

- Dự án Khu đô thị Thuận Châu được HĐND tỉnh thông qua thu hồi đất 2 lần với tổng diện tích 26,94 ha tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 với diện tích 9,41 ha, Nghị quyết số 80/NQ-HĐND ngày 10/11/2020 với diện tích 17,53. Đến nay, dự án quá 3 năm từ ngày HĐND tỉnh thông qua mà vẫn chưa thực hiện; mặt khác Dự án phải điều chỉnh lại cho phù hợp với Quy hoạch chung thành phố Đông Hà được điều chỉnh đến năm 2045 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1234/QĐ-UBND ngày 15/6/2023 và Quyết định số 3400/QĐ-UBND ngày 23/12/2021 của UBND thành phố Đông Hà phê duyệt điều chỉnh quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 Khu đô thị Thuận Châu, thành phố Đông Hà, diện tích thu hồi đất 30,2 ha (*diện tích tăng thêm 3,26 ha*). Dự án đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho chủ trương tại Thông báo kết luận số 720-TB/TU ngày 08/5/2024, căn cứ kết luận phiên họp thứ 39 của Thường trực HĐND tỉnh ngày 08/5/2024, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua thu hồi đất với diện tích 30,2 ha; đồng thời giao UBND tỉnh tiếp tục rà soát cụ thể diện tích đất trồng lúa của dự án để trình cơ quan có thẩm quyền quyết định chuyển đổi trước khi thực hiện dự án.

- Dự án khai thác khoáng sản mỏ cát trắng tại Hải Lăng của Công ty CPĐT Khoáng sản VICO Quảng Trị, diện tích đề nghị thu hồi 60,76 ha, chuyển mục đích sử dụng đất rừng phòng hộ 5,08 ha. Theo Thông báo kết luận số 652-TB/TU ngày 22/01/2024²⁸ của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, ngày 25/4/2024 Ban cán sự UBND tỉnh đã có Báo cáo số 614-CV/BCSĐ trình BTV Tỉnh ủy về kết quả rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến sâu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị để xác định rõ danh mục dự án diện tích đất dự kiến thu hồi và cho thuê đáp ứng với năng lực sản xuất hiện có của Công ty (*hạn chế vận chuyển khoáng sản ra khỏi địa bàn tỉnh*), theo lộ trình cụ thể, đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu Công ty sớm cải tạo, phục hồi môi trường đối với phần diện tích đất đã khai thác xong, hoàn thổ trong tổng diện tích đất UBND tỉnh cho thuê năm 2016, 2019 để bàn giao cho huyện Hải Lăng quản lý sử dụng và đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy kết luận tại Thông báo số 720-TB/TU ngày 08/5/2024. Căn cứ kết luận phiên họp thứ 39 của

²⁸“Đề nghị Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh rà soát, đánh giá nhu cầu nguồn nguyên liệu phục vụ sản xuất, chế biến sâu của Công ty Cổ phần Đầu tư và Khoáng sản Vico Quảng Trị để xác định rõ danh mục dự án diện tích đất dự kiến thu hồi và cho thuê đáp ứng với năng lực sản xuất hiện có của Công ty (*hạn chế vận chuyển khoáng sản ra khỏi địa bàn tỉnh*), theo lộ trình cụ thể, đúng quy định của pháp luật. Yêu cầu Công ty sớm cải tạo, phục hồi môi trường đối với phần diện tích đất đã khai thác xong, hoàn thổ trong tổng diện tích đất UBND tỉnh cho thuê năm 2016, 2019 để bàn giao cho huyện Hải Lăng quản lý sử dụng. Trên cơ sở đánh giá đúng nhu cầu sử dụng nguyên liệu đầu vào theo công suất nhà máy trong thời gian tới của Công ty, thống nhất chủ trương đề Ban cán sự đảng UBND tỉnh chỉ đạo UBND tỉnh báo cáo, trình HĐND tỉnh xem xét quyết định danh mục, dự án thu hồi đất đảm bảo chặt chẽ, đúng quy định của pháp luật”

Thường trực HĐND tỉnh ngày 08/5/2024, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua và giao UBND tỉnh triển khai thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và Kết luận số 86-KL/TU ngày 05/7/2018, Thông báo số 652-TB/TU ngày 22/01/2024 của Ban thường vụ Tỉnh ủy.

- Về đề nghị điều chỉnh nội dung Nghị quyết đối với Dự án khai thác và chế biến quặng vàng gốc mỏ vàng A Vao, xã A Vao, huyện Đakrông của Công ty Cổ phần phát triển Khoáng sản 4 được HĐND tỉnh thông qua thu hồi đất tại Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 với diện tích 8,72 ha và Nghị quyết số 115/NQ-HĐND ngày 07/12/2023 với diện tích 15,9 ha. Tuy nhiên tại Điều 2 Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 31/5/2022, HĐND tỉnh đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện các bước thu hồi đất, cho thuê đất sau khi chủ đầu tư hoàn thành việc xây dựng nhà máy chế biến sâu tại xã **A Vao**, huyện Đakrông. Do đó, Sở Tài nguyên & Môi trường chưa trình UBND tỉnh cho Công ty Cổ phần phát triển Khoáng sản 4 thuê đất thực hiện dự án đối với phần diện tích 8,72 ha. Qua rà soát, hiện nay Công ty Cổ phần phát triển Khoáng sản 4 đã có nhà máy chế biến sâu tại xã **A Bung** có thể sử dụng để chế biến khoáng sản khai thác tại mỏ A Vao²⁹; do vậy việc UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét thay thế cụm từ *“sau khi chủ đầu tư hoàn thành việc xây dựng nhà máy chế biến sâu tại xã A Vao, huyện Đakrông”* bằng cụm từ *“sau khi chủ đầu tư hoàn thành việc xây dựng nhà máy chế biến sâu trên địa bàn huyện Đakrông”* quy định tại khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 24/NQ-HĐND ngày 31/5/2022 để phù hợp với Kết luận số 86-KL/TU ngày 05/7/2018 của BTV Tỉnh ủy và Chương trình hành động số 82-CTr/TU ngày 26/01/2024 của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết 10-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược địa chất, khoáng sản đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

3. Kiến nghị Hội đồng nhân dân tỉnh. Sau khi UBND tỉnh có báo cáo bổ sung làm rõ, chủ tọa kỳ họp kết luận, đề nghị HĐND tỉnh thống nhất thông qua.

II. Quyết định chủ trương chuyển đổi mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác để thực hiện các dự án đầu tư phát triển kinh tế-xã hội trên địa bàn tỉnh năm 2024 (Tờ trình số 44/TTr-UBND ngày 19/4/2024 và số 50/TTr-UBND ngày 26/4/2024 của UBND tỉnh)

1. Về cơ sở pháp lý, hồ sơ, trình tự thủ tục

UBND tỉnh trình HĐND tỉnh chấp thuận chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện 12 dự án (02 Tờ trình), với tổng diện tích là 37,3477 ha (trong đó: rừng trồng phòng hộ: 1,2391 ha, rừng trồng sản xuất: 23,79 ha, rừng trồng ngoài ba loại rừng (đã cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất rừng sản xuất): 12,3091 ha) hồ sơ và trình tự, thủ tục bảo đảm quy định tại Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều

²⁹ Tại Văn bản số 02/BC-KS4 ngày 25/01/2024 của Công ty Cổ phần phát triển Khoáng sản 4.

của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Điều 248 Luật Đất đai số 31/2014/QH15 (*Có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2024*); tuân thủ quy định của Luật Đầu tư, Luật Lâm nghiệp. Các dự án đã có trong quy hoạch tỉnh, Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện có thẩm quyền phê duyệt; đã được đưa ra danh mục ngoài quy hoạch ngoài 3 loại rừng; được Hội đồng thẩm định chủ trương CMĐSDR tỉnh UBND tỉnh xác định đủ điều kiện.

2. Các nội dung cụ thể có ý kiến khác, đề nghị bổ sung, điều chỉnh vào nghị quyết

- Trong 12 dự án đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng có 03 dự án đã được Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt chủ trương đầu tư theo Luật đầu tư công, nhưng trong nội dung quyết định chủ trương đầu tư chưa xác định diện tích rừng được chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác, gồm: Dự án Tuyến đường kết nối từ công phụ Trung tâm Hành hương Đức mẹ La Vang đến cụm công nghiệp Hải Lệ và bãi đỗ xe số 01 theo quy hoạch đô thị La Vang, diện tích rừng trồng chuyển đổi là 0,1723 ha; Dự án Đường giao thông vào thác Ba Vòi, huyện Đakrông, diện tích rừng trồng chuyển đổi là 1,2787 ha; Dự án đường ven biển kết nối hành lang kinh tế Đông Tây, tỉnh Quảng Trị - Giai đoạn 1, diện tích rừng trồng chuyển đổi là 9,3871 ha. Trong giai đoạn chuyển tiếp thực hiện theo quy định tại Điều 248 Luật Đất đai số 31/2024/QH15 (*có hiệu lực kể từ ngày 01/4/2024*) Chính phủ chưa ban hành Nghị định, hướng dẫn quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Lâm nghiệp (*Văn bản số 496/KL-QLR ngày 22/4/2024 của Cục Lâm nghiệp v/v phúc đáp Văn bản số 1183/SNN-KHTC ngày 16/4/2024 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Trị*); đối chiếu với thẩm quyền quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng trình HĐND tỉnh lần này vừa đảm bảo đúng thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và đảm bảo điều kiện để chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định tại khoản 1, Điều 248 của Luật Đất đai (*Phù hợp với quy hoạch lâm nghiệp cấp quốc gia hoặc quy hoạch tỉnh hoặc quy hoạch sử dụng đất cấp huyện*) có hiệu lực từ ngày 01/4/2024 và kết luận phiên họp thứ 39 của Thường trực HĐND tỉnh ngày 08/5/2024, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh thông qua bằng 01 nghị quyết riêng.

- Đối với 09 dự án còn lại đủ điều kiện thông qua tại kỳ họp, nhưng phải có báo cáo giải trình làm rõ tại kỳ họp một số dự án sau:

+ Có 04 dự án chủ đầu tư đã triển khai xây dựng các hạng mục công trình trên đất khi chưa được HĐND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng, gồm: (1) Dự án Nhà máy tuyển rửa cát kỹ thuật tại xã Vĩnh Tú: Chủ đầu tư đã xây nhà xưởng, tường rào kiên cố trên toàn bộ diện tích rừng đang đề nghị HĐND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng (2) Dự án Trồng, sơ chế, chế biến dược liệu gắn với quảng bá giới thiệu sản phẩm OCOP tại xã Cam

Tuyên: Chủ đầu tư đã xây Hồ nước tưới, nhà kho, trồng cây dược liệu và một số cây nông nghiệp khác trên toàn bộ diện tích rừng đang đề nghị HĐND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng (3) Dự án Trang trại chăn nuôi heo (lợn) công nghệ cao quy mô 2.400 heo nái tại Vĩnh Khê: Dự án không thuộc quy hoạch 3 loại rừng, tuy nhiên sổ đỏ do UBND Huyện Vĩnh Linh cấp có ghi là Đất rừng sản xuất nên phải chuyển đổi, trong tháng 4/2024 chủ đầu tư đã đào một số hố móng, chôn trụ, xây kè với diện tích khoảng 0,9 ha/11.45 ha chiếm 7,86% tổng diện tích của dự án đang đề nghị HĐND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng; hiện nay đã tạm dừng thi công (4) Dự án Đầu tư xây dựng công trình (giai đoạn 2) Khu KTQP Khe Sanh, tỉnh Quảng Trị, hạng mục công trình giao thông Đường vào khu tái định cư Sê Pu xã Hướng Lập): Chủ đầu tư đã thi công làm đường trên toàn bộ diện tích rừng đang đề nghị HĐND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng. Sau khi UBND tỉnh có giải trình làm rõ tại Báo cáo số 2094/UBND-KT ngày 07/5/2024 về việc chỉ đạo xử lý các dự án đã triển khai xây dựng khi chưa được HĐND tỉnh quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng theo quy định theo đề nghị của Ban KTNS tại văn bản số 45/HĐND-KTNS ngày 03/5/202; căn cứ Kết luận phiên họp thứ 39 của Thường trực HĐND tỉnh ngày 08/5/2024, Ban Kinh tế - Ngân sách đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua; đồng thời giao UBND tỉnh chấn chỉnh, xử lý các ngành, địa phương, chủ đầu tư có liên quan để xảy ra các sai phạm, kể từ nay về sau nếu có các dự án sai phạm tương tự đề nghị UBND tỉnh xử lý nghiêm theo quy định trước khi trình HĐND tỉnh xem xét quyết định.

+ Dự án Khai thác mỏ cát Vĩnh Tú, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh của Công ty CP khai thác Khoáng sản Hưng Phát Quảng Trị, diện tích chuyển đổi rừng sản xuất 0,7808 ha. Đề nghị UBND tỉnh chỉ đạo thực hiện đúng theo quy định của Tỉnh ủy tại các Văn bản số Văn bản số 1250-CV/TU, ngày 25/10/2018, có nội dung không đồng ý với đề xuất tuyển rửa cát kỹ thuật để cung cấp nguyên liệu đầu vào của các ngành công nghiệp trong nước, chỉ đồng ý tuyển rửa cát kỹ thuật để cung cấp nguyên liệu cho nhà máy gạch không nung Bến Hải; Văn bản số 1280-CV/TU, ngày 13/11/2018, tăng cường công tác quản lý tài nguyên khoáng sản, chỉ đạo nghiêm cấm không được bán cát dưới mọi hình thức, chỉ dùng để làm nguyên liệu sản xuất tại địa phương; Thông báo số 139-TB/TU và ngày 15/7/2021 thống nhất chủ trương cho Công ty CP Khai thác Khoáng sản Hưng Phát Quảng Trị đầu tư xây dựng Nhà máy tuyển rửa cát kỹ thuật tại xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh với nguồn nguyên liệu của mỏ cát Vĩnh Tú, xã Vĩnh Tú, huyện Vĩnh Linh đã được UBND tỉnh cấp phép khai thác tại Quyết định số 200/QĐ-UBND ngày 25/01/2017.

+ Dự án di dân khẩn cấp ra khỏi vùng ngập lụt và sạt lở bờ sông thôn Cù Bạc, xã Vĩnh Ô, huyện Vĩnh Linh đề nghị chuyển mục đích sử dụng rừng sản xuất 5,2739 ha, năm 2023 đã hoàn thành việc lựa chọn nhà thầu thi công với giá

trị trúng thầu 13.398.289.000 đồng (dự án có tổng mức đầu tư 22,5 tỷ đồng, trong đó: Ngân sách Trung ương: 20 tỷ đồng, ngân sách huyện Vĩnh Linh: 2,5 tỷ đồng; thời gian thực hiện dự án 2023-2024) và đã giải ngân 5.535.838.500 đồng. Về hồ sơ trình tự thủ tục đảm bảo hồ sơ theo các quy định; tuy nhiên, đến ngày 31/12/2023 Trung ương không cho kéo dài nguồn vốn sang năm 2024 nên phần kinh phí đã giải ngân này chủ đầu tư đã ưu tiên triển khai thi công các hạng mục thiết yếu, san nền giai đoạn này với diện tích khoảng 8.400m² đảm bảo cho 24 hộ cần di dời gấp đến chỗ ở mới trước mùa mưa bão năm nay. Đề nghị UBND tỉnh cam kết đảm bảo cân đối nguồn vốn để thực hiện theo mục tiêu dự án phê duyệt thì mới cho thực hiện thủ tục chuyển đổi rừng và chuyển mục đích sử dụng đất phần diện tích còn lại để thực hiện dự án.

Phần V. Các dự thảo nghị quyết

Ban Kinh tế - Ngân sách HĐND tỉnh được phân công thẩm tra 04 dự thảo nghị quyết có chứa quy phạm pháp, 10 dự thảo nghị quyết cá biệt. Các nội dung thẩm tra đã nêu tại Báo cáo này, khi được Chủ tọa kỳ họp kết luận thống nhất đề nghị bổ sung vào nghị quyết của HĐND tỉnh

Kính trình HĐND tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh (B/c);
- UBND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- VP Đoàn ĐBQH&HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Đại biểu dự họp;
- Lưu: Ban KTNS, VT.

**TM. BAN KINH TẾ - NGÂN SÁCH
TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Đăng Ánh